

Số: 301 /CV-ĐHKQTĐ
V/v Thông báo kết quả xét nâng lương
thường xuyên đợt 1 năm 2012

Hà Nội, ngày 05 tháng 7 năm 2012

Kính gửi: Các đơn vị trong trường

Căn cứ Luật viên chức và Thông tư 03/2005/TT-BNV ngày 05/01/2005 của Bộ Nội vụ về việc Hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức;

Thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên, phụ cấp thâm niên vượt khung, ngày 28/06/2012 Hội đồng lương Trường đã họp và thống nhất các tiêu chuẩn nâng bậc lương thường xuyên năm 2012 của Trường và thông qua danh sách cán bộ, viên chức nâng lương thường xuyên và phụ cấp thâm niên vượt khung đợt 1 năm 2012. Cụ thể như sau:

1. Tiêu chuẩn nâng bậc lương thường xuyên:

Viên chức có đủ điều kiện thời gian giữ bậc trong ngạch và qua đánh giá thi đua hàng năm đạt đủ 2 (hai) tiêu chuẩn sau đây trong suốt thời gian giữ bậc lương cũ thì được nâng một bậc lương thường xuyên:

- Hoàn thành nhiệm vụ được giao hàng năm theo quy định của Trường và đơn vị trực tiếp sử dụng cán bộ, viên chức.

- Không vi phạm kỷ luật một trong các hình thức khiển trách, cảnh cáo trở lên.

2. Các trường hợp bị kéo dài thời gian nâng lương:

2.1. Kéo dài thời gian nâng lương 3 tháng: Viên chức bị kỷ luật hình thức khiển trách trong thời gian giữ bậc lương;

2.2. Kéo dài thời gian nâng lương 6 tháng đối với viên chức trong thời gian giữ bậc lương bị kỷ luật hình thức cảnh cáo trở lên; sinh con thứ 3; viên chức 1 năm không hoàn thành nhiệm vụ;

2.3. Kéo dài thời gian nâng lương đối với viên chức nghỉ không lương từ 2 tháng trở lên. Thời gian kéo dài là thời gian viên chức nghỉ không hưởng lương.

2.3 Các trường hợp tạm thời không xét nâng bậc lương: Đi học nước ngoài quá hạn không báo cáo về Trường; nghỉ không lương để đi nước ngoài với gia đình (Hội đồng lương sẽ xét nâng bậc lương khi các viên chức có quyết định tiếp nhận về Trường).

Căn cứ vào các tiêu chuẩn trên, Hội đồng lương Trường đã họp và thông qua kết quả nâng bậc lương thường xuyên đợt 1 năm 2012 như sau:

- Nâng bậc lương thường xuyên và phụ cấp thâm niên vượt khung: 125 người
- Nâng bậc lương trước thời hạn để nghỉ hưu: 2 người;
- Kéo dài thời gian nâng bậc lương 6 tháng: 2 người
- Danh sách tạm thời không xét nâng lương: 2 người
- Đối với các trường hợp xét nâng lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc, Hội đồng lương Trường sẽ họp xét sau khi có kết quả xét thi đua hàng năm.

(có danh sách kèm theo).

Trường yêu cầu các đơn vị thông báo công khai danh sách trên tại đơn vị và đến các cá nhân dự kiến được nâng lương thường xuyên đợt 1 năm 2012 để biết và đối chiếu. Trong trường hợp có vấn đề sai sót; chưa rõ hoặc có ý kiến thắc mắc đề nghị gửi bằng văn bản tới Phòng Tổ chức cán bộ (Ths Phạm Phương Thủy — Chuyên viên, Phòng TCCB, email: thuyp@neu.edu.vn) chậm nhất ngày 12/07/2012 để báo cáo Hiệu trưởng xem xét giải quyết.

Trân trọng thông báo.

Nơi nhận:

- BGH (để báo cáo)
- Như kính gửi
- Công đoàn trường
- Lưu TCCB, TH.

TL. HIỆU TRƯỞNG
ỦY VIÊN THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG LƯƠNG
TRƯỞNG PHÒNG TCCB



ThS Nguyễn Đức Hiển

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐH KINH TẾ QUỐC DÂN

THÔNG BÁO KẾT QUẢ XÉT NÂNG BẬC LƯƠNG THƯỜNG XUYÊN VÀ PHỤ CẤP THÂM NIÊN VƯỢT KHUNG, ĐỢT 1
NĂM 2012

(Kèm theo công văn số: 601/QĐ-KTQD, ngày 05 tháng 07 năm 2012 của Trường ĐHKQTĐ)

Số TT	Họ và tên	Năm sinh		Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch, bậc, hệ số lương trước khi					Kết quả nâng bậc trong năm 2012					Đơn vị	Ghi chú
		Nam	Nữ		Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương ở bậc hiện giữ	Hệ số chênh lệch bảo lưu hoặc % phụ cấp	Thời gian được tính hưởng	Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương mới được nâng bậc	Hệ số chênh lệch bảo lưu hoặc % phụ cấp thâm niên vượt khung	Thời gian tính nâng bậc, PCTNVK lần sau		
1	2	3	4	5	6	7	8.00	9	10	11	12		14	15	17	
I. Nâng bậc lương thường xuyên																
1	Giang Thị Khánh Vân		1968	ThS	15110	1	4.40		01/2009	15110	2	4.74		01/2012	BM.GDTC	
2	Nguyễn Văn Hùng	1984		CN	15111	1	2.34		01/2009	15111	2	2.67		01/2012	BM.GDTC	
3	Lưu Vũ Lương	1983		CN	15111	1	2.34		01/2009	15111	2	2.67		01/2012	BM.GDTC	
4	Cao Thị Thu Hiền		1979	CN	01008	2	1.53		03/2010	01008	3	1.71		03/2012	K.MT&ĐT	
5	Hoàng Ngọc Việt	1950		GS	15109	3	6.92		05/2009	15109	4	7.28		05/2012	K.BDS & KTTN	
6	Đào Thị Ngân Giang		1976	ThS	15111	4	3.33		03/2009	15111	5	3.66		03/2012	K.BDS & KTTN	
7	Trần Thị Hạnh		1975	ThS	15111	4	3.33		04/2009	15111	5	3.66		04/2012	K.DL-KS	
8	Trần Thị Thu Huyền		1983	CN	15111	1	2.34		01/2009	15111	2	2.67		01/2012	K.KHPT	
9	Lê Huỳnh Mai		1982	ThS	15111	2	2.67		05/2009	15111	3	3.00		05/2012	K.KHPT	
10	Bùi Thị Thanh Huyền		1981	ThS	15111	2	2.67		03/2009	15111	3	3.00		03/2012	K.KHPT	
11	Bùi Trung Hải	1981		ThS	15111	2	2.67		01/2009	15111	3	3.00		01/2012	K.KHPT	
12	Phí Thị Hồng Linh		1980	ThS	15111	2	2.67		01/2009	15111	3	3.00		01/2012	K.KHPT	
13	Nguyễn Thị Ngọc Huyền		1960	PGS.TS	15110	5	5.76		05/2009	15110	6	6.10		05/2012	K.KHQL	
14	Mai Ngọc Anh	1980		TS	15111	3	3.00		05/2009	15111	4	3.33		05/2012	K.KHQL	
15	Trần Thị Nam Thanh		1970	TS	15110	2	4.74		04/2009	15110	3	5.08		04/2012	K.Kế toán	
16	Nguyễn Thị Lan Anh		1982	CN	15111	1	2.34		01/2009	15111	2	2.67		01/2012	K.Kế toán	
17	Nguyễn Thị Thanh Diệp		1984	CN	15111	1	2.34		01/2009	15111	2	2.67		01/2012	K.Kế toán	
18	Trần Quý Long	1983		CN	15111	1	2.34		01/2009	15111	2	2.67		01/2012	K.Kế toán	

19	Nguyễn Thanh Hiếu		1979	ThS	15111	2	2.67		05/2009	15111	3	3.00		05/2012	K.Kế toán	
20	Đoàn Thanh Nga		1981	ThS	15111	2	2.67		05/2009	15111	3	3.00		05/2012	K.Kế toán	
21	Nguyễn Hà Linh		1982	ThS	15111	2	2.67		04/2009	15111	3	3.00		04/2012	K.Kế toán	
22	Đoàn Thị Trúc Quỳnh		1981	ThS	15111	2	2.67		01/2009	15111	3	3.00		01/2012	K.Kế toán	
23	Nguyễn Thị Mai Anh		1979	ThS	15111	3	3.00		05/2009	15111	4	3.33		05/2012	K.Kế toán	
24	Hàn Thị Lan Thư		1979	ThS	15111	3	3.00		05/2008	15111	4	3.33		05/2012	K.Kế toán	
25	Hà Thị Phương Dung		1978	ThS	15111	3	3.00		05/2009	15111	4	3.33		05/2012	K.Kế toán	
26	Nguyễn Thị Mỹ		1975	ThS	15111	3	3.00		05/2009	15111	4	3.33		05/2012	K.Kế toán	
27	Nguyễn Thị Mai Chi		1977	ThS	15111	3	3.00		05/2009	15111	4	3.33		05/2012	K.Kế toán	
28	Đặng Thị Thuý Hằng		1976	ThS	15111	4	3.33		02/2009	15111	5	3.66		02/2012	K.Kế toán	
29	Trần Cao Khải		1956	ThS	15110	5	5.76		04/2009	15110	6	6.10		04/2012	K.KT&QLNNL	
30	Ngô Tuấn Anh	1975		TS	15111	4	3.33		04/2009	15111	5	3.66		04/2012	K.KTH	
31	Phạm Văn Sinh	1959		TS	15110	4	5.42		04/2009	15110	5	5.76		04/2012	K.LLCT	
32	Nguyễn Chí Thiện	1980		ThS	15111	1	2.34		04/2009	15111	2	2.67		04/2012	K.LLCT	
33	Nghiêm Thị Châu Giang		1978	ThS	15111	2	2.67		05/2009	15111	3	3.00		05/2012	K.LLCT	
34	Lê Thị Hoa		1978	ThS	15111	3	3.00		02/2009	15111	4	3.33		02/2012	K.LLCT	
35	Nguyễn Thị Bích Thủy B		1976	ThS	15111	4	3.33		04/2009	15111	5	3.66		04/2012	K.LLCT	
36	Lương Thị Thu Hà		1976	ThS	15111	4	3.33		02/2009	15111	5	3.66		02/2012	K.Luật	
37	Nguyễn Thị Huế		1972	ThS	15111	5	3.66		05/2009	15111	6	3.99		05/2012	K.Luật	
38	Nguyễn Hoài Long	1976		ThS	15111	3	3.00		01/2009	15111	4	3.33		01/2012	K.Marketing	
39	Phạm Hồng Hoa		1977	ThS	15111	4	3.33		02/2009	15111	5	3.66		02/2012	K.Marketing	
40	Đinh Thị Lan Hương		1970	ThS	15110	2	4.74		04/2009	15110	3	5.08		04/2012	K.NNKT	
41	Phạm Thị Quỳnh Hoa		1979	ThS	15111	2	2.67		05/2009	15111	3	3.00		05/2012	K.NNKT	
42	Nguyễn Đỗ Hương Giang		1980	ThS	15111	2	2.67		05/2009	15111	3	3.00		05/2012	K.NNKT	
43	Nguy Thùy Trang		1979	ThS	15111	3	3.00		05/2009	15111	4	3.33		05/2012	K.NNKT	
44	Phạm Hương Thảo		1979	ThS	15111	3	3.00		06/2009	15111	4	3.33		06/2012	K.QTKD	
45	Đỗ Văn Huân	1978		ThS	15111	2	2.67		01/2009	15111	3	3.00		01/2012	K.Thống kê	
46	Nguyễn Hương Giang		1975	CN	01003	1	2.34		02/2009	01003	2	2.67		02/2012	K.Tin học KT	
47	Nguyễn Hồng Quân	1967		CN	01003	4	3.33		04/2009	01003	5	3.66		04/2012	K.Tin học KT	
48	Trần Thị Phương Anh		1983	CN	15111	1	2.34		05/2009	15111	2	2.67		05/2012	K.Tin học KT	
49	Trần Thanh Hải	1973		ThS	15111	4	3.33		02/2009	15111	5	3.66		02/2012	K.Tin học KT	
50	Trịnh Phú Cường	1968		ThS	15111	5	3.66		05/2009	15111	6	3.99		05/2012	K.Tin học KT	
51	Nguyễn Thị Thảo		1980	ThS	15111	2	2.67		05/2009	15111	3	3.00		05/2012	K.Toán KT	
52	Phạm Bảo Lâm	1982		CN	15111	2	2.67		05/2009	15111	3	3.00		05/2012	K.Toán KT	
53	Phạm Ngọc Hưng	1975		ThS	15111	3	3.00		05/2009	15111	4	3.33		05/2012	K.Toán KT	

54	Bùi Quốc Hoàn	1980		ThS	15111	3	3.00		05/2009	15111	4	3.33		05/2012	K.Toán KT	
55	Nguyễn Mai Quyên		1980	ThS	15111	3	3.00		05/2009	15111	4	3.33		05/2012	K.Toán KT	
56	Lê Thị Anh		1979	ThS	15111	3	3.00		05/2009	15111	4	3.33		05/2012	K.Toán KT	
57	Phạm Thị Hồng Thắm		1978	ThS	15111	3	3.00		05/2009	15111	4	3.33		05/2012	K.Toán KT	
58	Nguyễn Hữu Độ	1980		CN	01011	6	2.40		06/2010	01011	7	2.58		06/2012	NXB	
59	Trương Tử Nha	1978		CN	01011	6	2.40		06/2010	01011	7	2.58		06/2012	NXB	
60	Nguyễn Mạnh Cường	1960			01011	4	2.04		06/2010	01011	5	2.22		06/2012	P.Bảo vệ	
61	Vũ Duy Dương	1957			01011	4	2.04		06/2010	01011	5	2.22		06/2012	P.Bảo vệ	
62	Nguyễn Chiến Thắng	1974			01011	7	2.58		05/2010	01011	8	2.76		05/2012	P.Bảo vệ	
63	Nguyễn Hữu Đình	1969			01011	7	2.58		02/2010	01011	8	2.76		02/2012	P.Bảo vệ	
64	Trịnh Viết Ứng	1960			01011	7	2.58		04/2010	01011	8	2.76		04/2012	P.Bảo vệ	
65	Nguyễn Đức Đăng	1958			01011	7	2.58		01/2010	01011	8	2.76		01/2012	P.Bảo vệ	
66	Nguyễn Duy Châu	1962			01011	8	2.76		02/2010	01011	9	2.94		02/2012	P.Bảo vệ	
67	Ngô Văn Hoạt	1957			01011	10	3.12		04/2010	01011	11	3.30		04/2012	P.Bảo vệ	
68	Vũ Văn Chức	1964			01004	5	2.66		01/2010	01004	6	2.86		01/2012	P.Bảo vệ	
69	Lê Anh Đức	1982		CN	15111	2	2.67		05/2009	15111	3	3.00		05/2012	P.QLĐT	
70	Nguyễn Hữu Hưng	1982			01007	2	1.83		01/2010	01007	3	2.01		01/2012	P.QTTB	
71	Lê Văn Lượng	1979			01007	3	2.01		01/2010	01007	4	2.19		01/2012	P.QTTB	
72	Nguyễn Anh Tú	1980			01007	4	2.19		01/2010	01007	5	2.37		01/2012	P.QTTB	
73	Lê Thị Kiên		1962		01009	6	1.90		01/2010	01009	7	2.08		01/2012	P.QTTB	
74	Nguyễn Thị Lan Hương		1979	CN	06031	2	2.67		05/2009	06031	3	3.00		05/2012	P.QTTB	
75	Trần Trung Dũng	1978		CN	01003	3	3.00		06/2009	01003	4	3.33		06/2012	P.Tổng hợp	
76	Trần Quốc Nam	1976		CN	01010	4	2.59		06/2010	01010	5	2.77		06/2012	P.Tổng hợp	
77	Hoàng Minh Phương		1977	CN	01003	3	3.00		06/2009	01003	4	3.33		06/2012	P.TCCB	
78	Nguyễn Đức Hiến	1977		ThS	15111	4	3.33		05/2009	15111	5	3.66		05/2012	P.TCCB	
79	Hoàng Thị Hoà		1975	TC	06032	3	2.26		01/2010	06032	4	2.46		01/2012	P.TC-KT	
80	Nguyễn Thị Tuyết Mai		1962	TS	15110	4	5.42		05/2009	15110	5	5.76		05/2012	Tạp chí KTPT	
81	Nguyễn Thế Anh		1974	ThS	01003	4	3.33		01/2009	01003	5	3.66		01/2012	Tram Y tế	
82	Lê Thị Phương Lan		1962		01004	6	2.86		01/2010	01004	7	3.06		01/2012	Tổ chuyên trách	
83	Phạm Tùng Lâm	1974		CN	01003	1	2.34		04/2009	01003	2	2.67		04/2012	TT Dịch vụ	
84	Nguyễn Văn Quân	1960			01004	5	2.66		01/2010	01004	6	2.86		01/2012	TT Dịch vụ	
85	Trần Văn Nhụ	1963			01004	5	2.66		01/2010	01004	6	2.86		01/2012	TT Dịch vụ	
86	Nguyễn Đình Hà	1956			01007	7	2.73		01/2010	01007	8	2.91		01/2012	TT Dịch vụ	
87	Trần Thị Bích Hường		1964		01009	10	2.62		02/2010	01009	11	2.80		02/2012	TT Dịch vụ	
88	Đặng Thị Phương		1982	CN	06031	1	2.34		06/2008	06031	2	2.67		06/2011	TT Dịch vụ	
89	Nông Thị Mai Hoa		1977	CN	17170	4	3.33		04/2009	17170	5	3.66		04/2012	TT.Thư viện	
90	Mai Thị Thu Hà		1976	CN	17170	4	3.33		04/2009	17170	5	3.66		04/2012	TT.Thư viện	

91	Hoàng Thị Hiền		1983	CN	01008	2	1.53		02/2010	01008	3	1.71		02/2012	V.CNTTKT	
92	Trần Thị Kim Nhung		1982	ThS	15111	2	2.67		05/2009	15111	3	3.00		05/2012	V.CNTTKT	
93	Tống Thị Minh Ngọc		1978	ThS	15111	3	3.00		04/2009	15111	4	3.33		04/2012	V.CNTTKT	
94	Lê Thị Hoài Thu		1980	ThS	15111	3	3.00		03/2009	15111	4	3.33		03/2012	V.CNTTKT	
95	Phạm Thị Minh Thảo		1973	ThS	01003	5	3.66		03/2009	01003	6	3.99		03/2012	V.NCKT & PT	
96	Đình Quý Phương				01008	5	2.07		03/2010	01008	6	2.25		03/2012	V.NHTC	
97	Nguyễn Hương Giang		1985	ThS	15111	1	2.34		06/2009	15111	2	2.67		06/2012	V.NHTC	
98	Trần Đức Thắng	1981		ThS	15111	2	2.67		05/2009	15111	3	3.00		05/2012	V.NHTC	
99	Phan Hồng Mai		1982	ThS	15111	2	2.67		05/2009	15111	3	3.00		05/2012	V.NHTC	
100	Nguyễn Thị Hoài Phương		1982	ThS	15111	3	3.00		05/2009	15111	4	3.33		05/2012	V.NHTC	
101	Trương Thị Hoài Linh		1980	ThS	15111	3	3.00		03/2009	15111	4	3.33		03/2012	V.NHTC	
102	Nguyễn Tất Thắng	1979		ThS	15111	3	3.00		05/2009	15111	4	3.33		05/2012	V.NHTC	
103	Trần Thị Tố Linh		1977	ThS	15111	3	3.00		03/2009	15111	4	3.33		03/2012	V.NHTC	
104	Phan Thị Hạnh		1974	ThS	15111	5	3.66		06/2009	15111	6	3.99		06/2012	V.NHTC	
105	Nguyễn Quang Hồng	1962		TS	15110	4	5.42		05/2009	15110	5	5.76		05/2012	V.QLCA-TBD	
106	Lê Thị Phương Linh		1980	CN	01008	5	2.07		06/2010	01008	6	2.25		06/2012	V.QTKD	
107	Nguyễn Thị Minh Hoa		1977	ThS	06031	3	3.00		02/2009	06031	4	3.33		02/2012	V.QTKD	
108	Lương Thái Bảo	1974		TS	15111	4	3.33		02/2009	15111	5	3.66		02/2012	V.QTKD	
109	Vũ Tuấn Anh	1975		ThS	01003	3	3.00		04/2009	01003	4	3.33		04/2012	V.SDH	
II. Thâm niên vượt khung																
110	Lê Văn Năm	1951		PGS.T S	15110	8	6.78	5%	04/2011	15110	8	6.78	6%	04/2012	K.Tin học KT	
111	Bùi Văn Đầy	1959			01004	12	4.06	20%	03/2011	01004	12	4.06	21%	03/2012	P.Bảo vệ	
112	Đình Văn Y	1962			01011	12	3.48	8%	01/2011	01011	12	3.48	9%	01/2012	P.Bảo vệ	
113	Phạm Quang Huy	1954			01008	12	3.33	16%	01/2011	01008	12	3.33	17%	01/2012	P.HTQT	
114	Phạm Thị Vượng		1960		01009	12	2.98	7%	04/2011	01009	12	2.98	8%	04/2012	P.QTTB	
115	Nguyễn Thị Minh		1957		01009	12	2.98	7%	04/2011	01009	12	2.98	8%	04/2012	P.QTTB	
116	Ngô Quốc Tuấn	1960			01010	12	4.03	12%	01/2011	01010	12	4.03	13%	01/2012	P.Tổng hợp	
117	Nguyễn Thị Phương Lan		1959		01007	12	3.63	15%	01/2011	01007	12	3.63	16%	01/2012	TT Dịch vụ	
118	Nguyễn Thị Thủy		1960		01007	12	3.63	15%	01/2011	01007	12	3.63	16%	01/2012	TT Dịch vụ	
119	Hoàng Thị Xuân Hoa		1960		01007	12	3.63	15%	01/2011	01007	12	3.63	16%	01/2012	TT Dịch vụ	
120	Nguyễn Thị Vẻ		1956		01009	12	2.98	7%	04/2011	01009	12	2.98	8%	04/2012	TT Dịch vụ	
121	Dương Đức Loan	1964			01009	12	2.98	16%	01/2011	01009	12	2.98	17%	01/2012	TT Dịch vụ	
122	Nguyễn Thị Hồng		1958		01009	12	2.98	9%	01/2011	01009	12	2.98	10%	01/2012	TT.ĐTLT	
123	Nguyễn Thu Hường		1970		01009	12	2.98	5%	04/2011	01009	12	2.98	6%	04/2012	TT.Thư viện	

Handwritten signature

124	Nguyễn Thị Thu Hương		1970		01009	12	2.98	5%	04/2011	01009	12	2.98	6%	04/2012	TT.Thư viện	
125	Đặng Đình Hải	1961		ThS	15111	9	4.98		05/2009	15111	9	4.98	5%	05/2012	V.CNNTKT	
III. Nâng lương trước thời hạn để nghỉ hưu																
126	Nguyễn Thị Hồng Thủy		1957	TS	15110	4	5.42		04/2009	15110	5	5.76		04/2012	K.KHQL	Tháng 9/2012 nghỉ hưu
127	Nguyễn Kế Tuấn	1947		GS.TS	15109	5	7.64		11/2009	15109	6	8.00		11/2012	K.QTKD	Tháng 10/2012 nghỉ hưu - Năm 2011 được tặng HCLĐ hạng III
IV. Kéo dài thời gian nâng bậc lương 6 tháng																
128	Trần Thu Thủy	1982		ThS	01003	2	2.67		01/2009	01003	3	3.00			V.ĐTQT	Sinh con thứ 3 năm 2011
129	Trần Việt Hà	1980		ThS	15111	3	3.00		03/2009	15111	4	3.33			K.Marketing	Sinh con thứ 3 năm 2010
V. Trường hợp tạm thời không xét nâng bậc lương																
130	Hồ Thị Hương Giang		1976	ThS	15111	4	3.33		03/2009							Xin nghỉ không lương đi nước ngoài theo chồng từ 3/2011. Chưa xét nâng bậc lương
131	Nguyễn Linh Sơn	1976		ThS	15111	4	3.33		02/2009						K.Toán KT	Làm NCS tại úc từ 2006, đã gia hạn 2 lần và hết hạn lần 2 từ tháng 3/2012 đến nay chưa có báo cáo. Chưa xét nâng bậc lương